

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03-MAL/TRIBECO BÌNH DƯƠNG/2025

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 8, đường số 11, KCN Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: (84-274) 3768780

Fax: (84-274) 3767849

Email: hcns.bd@tribeco.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 3702023469

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Công ty không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Điều 12 Nghị định 15/2018/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm (Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận FSSC 22000).

II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

1. TÊN SẢN PHẨM: POTALA CÀ CHUA TÔM CAY

2. THÀNH PHẦN:

Vất mì: Bột mì, dầu cọ, tinh bột khoai mì, chất ổn định (1420, 501(i), 500(ii)), muối, chiết xuất nấm men, chất làm dày (451(i), 452(i), 415, 424), chất làm ẩm (420(ii)), chất điều vị (621, 627, 631), chất nhũ hóa (322(i), 475), chất chống oxy hóa (307b, 319, 320, 330), chiết xuất trái dành dành, bột cà ri, chất tạo màu riboflavin từ *Bacillus subtilis* tự nhiên.

Các gói gia vị: Cà chua dạng sệt (60 g/kg), nước, đường, muối, dầu cọ, cà chua tươi (20 g/kg), rau sấy (cà rốt, hỗn hợp protein sấy vị tôm, hành lá), chất điều vị (621, 627, 631, 364(ii)), bột gia vị (cà chua, tỏi, hành tây), tương ớt đậu, nước mắm, hành tím, ngò gai, bột ớt (6 g/kg), tỏi, bột tôm (3 g/kg), chất ổn định (415, 1422), bột chiết xuất gà, chất điều chỉnh độ acid (330, 270), hương liệu tổng hợp, đạm thực vật thủy phân, chất chống đông vón (551), chất tạo màu paprika oleoresin tự nhiên, chất bảo quản (202), chất tạo ngọt aspartame tổng hợp.

Sản phẩm chứa các nguyên liệu có nguồn gốc từ lúa mì, đậu nành, cá, tôm, trứng, sữa, sò.



3. THỜI HẠN SỬ DỤNG SẢN PHẨM: 6 tháng kể từ ngày sản xuất, hạn sử dụng ghi trên bao bì.

4. QUY CÁCH ĐÓNG GÓI VÀ CHẤT LIỆU BAO BÌ:

- Chất liệu bao bì:
 - + Màng: OPP/MCPP
 - + Thùng: carton
- Bao bì đạt chất lượng trong thực phẩm.
- Quy cách đóng gói:
 - Khối lượng tịnh của một gói mì (gồm vắt mì và các gói gia vị): 100 g
 - Khối lượng tịnh của một lốc: 500 g (5 gói * 100 g)
- Quy cách bao gói: Thùng 24 gói * 100 g; thùng 6 lốc * 5 gói * 100 g

5. TÊN VÀ ĐỊA CHỈ CƠ SỞ SẢN XUẤT SẢN PHẨM:

- Tên: Công ty TNHH Uni-President Việt Nam
- Địa chỉ: Số 16-18-20, đường ĐT 743, KCN Sóng Thần 2, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM: Theo nhãn sản phẩm đính kèm.

IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- TCVN 7879:2008, CODEX STAN 249:2006 Sản phẩm ngũ cốc dạng sợi ăn liền.
- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Thông tư số 24/2019/TT-BYT quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Bình Dương, ngày 13 tháng 01 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



ĐẠI ZHILIN

BẢNG THÔNG TIN KỸ THUẬT SẢN PHẨM

CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG	POTALA CÀ CHUA TÔM CAY	Số: 03-MAL/TRIBECO BINH DUONG/2025	
1. CÁC CHỈ TIÊU CẢM QUAN:			
STT	TÊN CHỈ TIÊU	MỨC YÊU CẦU	
1	Trạng thái	Dạng khối hoặc có hình dạng xác định, đồng đều và phù hợp với từng loại bao bì, không vụn nát, không có vật lạ. Sau khi ngâm trong nước sôi theo hướng dẫn thì sợi mì không bị đứt, nát, không dính.	
2	Màu sắc	Đồng nhất, đặc trưng cho từng loại sản phẩm, không bị cháy, hai mặt ít có sự khác biệt.	
3	Mùi vị	Đặc trưng cho từng loại sản phẩm, ăn không thấy sống, không có mùi vị lạ như mốc, khét, vị chát...	
Yêu cầu ngoại quan đối với gói gia vị: phải kín, khô và sạch. Sản phẩm không được chứa tạp chất lạ.			
2. CÁC CHỈ TIÊU HÓA LÝ:			
STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC GIỚI HẠN
1	Độ ẩm của vắt mì	%	$\leq 10,0$
2	Chỉ số acid của vắt mì	mg KOH/g	$\leq 2,0$
3. CÁC CHỈ TIÊU VI SINH VẬT:			
STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CÔNG BỐ
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	$\leq 10^6$
2	<i>Coliforms</i>	CFU/g	$\leq 10^3$
3	<i>Escherichia Coli</i>	CFU/g	$\leq 10^2$
4	<i>Staphylococcus Aureus</i>	CFU/g	$\leq 10^2$
5	<i>Clostridium Perfringens</i>	CFU/g	$\leq 10^2$
6	<i>Bacillus Cereus</i>	CFU/g	$\leq 10^2$
7	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	$\leq 10^3$

59-C.T.T.
TY
H
ECO
DƯƠNG
T. BÌNH C

4. GIỚI HẠN KIM LOẠI NẶNG:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC GIỚI HẠN
1	Chì (Pb)	mg/kg	$\leq 0,2$
2	Cadmium (Cd)	mg/kg	$\leq 0,1$

5. GIỚI HẠN ĐỘC TÓ VỊ NẤM:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC GIỚI HẠN
1	Aflatoxin B1	$\mu\text{g/kg}$	≤ 2
2	Aflatoxin tổng số	$\mu\text{g/kg}$	≤ 4
3	Ochratoxin A	$\mu\text{g/kg}$	≤ 3
4	Deoxynivalenol	$\mu\text{g/kg}$	≤ 750

6. THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CÔNG BỐ
1	Năng lượng (Energy)	kcal/100 g	≥ 300
2	Chất đạm (Protein)	g/100 g	≤ 15
3	Carbohydrat (Carbohydrate)	g/100 g	≥ 40
4	Đường tổng số (Total Sugars)	g/100 g	≤ 20
5	Chất béo (Total Fat)	g/100 g	≤ 25
6	Chất béo bão hòa (Saturated Fat)	g/100 g	≤ 15
7	Natri (Sodium)	mg/100 g	≤ 2600

Bình Dương, ngày 13 tháng 01 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CÔNG TÁC GIÁM ĐỐC 梁江神

TNHH

TRIBECO

BÌNH DƯƠNG

ĐẠI ZHILIN

TEST REPORT
BÁO CÁO THỬ NGHIỆM

Report No./ Số báo cáo:

24-182519-A

Revision: 01

Company/ Công ty:

CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

Address/ Địa chỉ:

Số 8, Đường Số 11, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành Phố Thuận An,
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Report Issued: 09-Sep-2024

BVAQ Reference: 24-182519

Sample(s) Received: 04-Jul-2024

Ngày phát hành báo cáo

Tham chiếu BVAQ

Ngày nhận mẫu

Testing Period/ Thời gian phân tích: 04-Jul-2024 to 10-Jul-2024

Results - Kết quả

The testing results are valid on the sample(s) as received/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nhận được.

Customer Sample Name/ Tên mẫu: Potala Cà Chua Tôm Cay

Lab ID: 24-182519-1A

Sample Description/ Mô tả mẫu: Sample in plastic bag/ Mẫu đựng trong túi nhựa

Sample Condition/ Tình trạng mẫu: Acceptable/ Chấp nhận

Test Chỉ tiêu	Result Kết quả	Unit Đơn vị	Method Phương pháp phân tích
Tổng số bào tử Nấm men & nấm mốc/ Total Yeast and Mould Spores *	<10	cfu/g	Ref. ISO 21527-2:2008 (TCVN 8275-2:2010)
Tổng vi sinh vật hiếu khí (30°C)/ Total Plate Count (30°C)	<40	cfu/g	ISO 4833-1:2013 (TCVN 4884-1: 2015)
Bacillus cereus	<10	cfu/g	AOAC 980.31
Clostridium Perfringens	<10	cfu/g	ISO 7937:2004 (TCVN 4991:2005)
Coliforms	<10	cfu/g	ISO 4832:2006 (TCVN 6848:2007)
Escherichia coli	0	MPN/g	ISO 7251:2005 (TCVN 6846:2007)
Staphylococcus aureus	<10	cfu/g	AOAC 975.55

Remark/ Ghi chú: Revision 01 is revised and replaces revision 00 issued on 10-Jul-2024 due to customer request to adjust sample name/

Bản sửa đổi 01 được hiệu chỉnh và thay thế cho bản sửa đổi 00 được ban hành ngày 10-07-2024 do khách hàng yêu cầu điều chỉnh tên mẫu

OPERATION MANAGER

NGUYEN DUY TIEN

BVAQ MANAGER



NGUYEN HIEP

MDL/ GHPH: Method Detection Limit/ Giới hạn phát hiện của phương pháp
MQL/ GHDL: Method Quantitation Limit/ Giới hạn định lượng của phương pháp
ND/ KPH: Not Detected/ Không phát hiện
* Subcontracted test/ Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
* ISO 17025 not accredited/ Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO 17025
Information provided by clients company, address, samples names/
Thông tin do khách hàng cung cấp: công ty, địa chỉ, tên mẫu

F05-SOP-01-Test Report Template-V1

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without prior written permission of the BVAQ company/
Không được trích sao một phần báo cáo thử nghiệm này mà không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty BVAQ
If there are questions or concerns on this report, please contact:
Nếu khách hàng cần thêm thông tin về kết quả, xin vui lòng liên hệ:
Customer Service/ Bộ phận chăm sóc khách hàng
Tel: (84-292) 3 888 076 - 3 888 776
Email: cti@bvaq.com

Page 1 of 1

TEST REPORT
BÁO CÁO THỬ NGHIỆM

Report No./ Số báo cáo:

24-182519-B

Revision: 01

Company/ Công ty:

CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

Address/ Địa chỉ:

Số 8, Đường Số 11, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành Phố Thuận An,
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Report Issued: 09-Sep-2024

BVAQ Reference: 24-182519

Sample(s) Received: 04-Jul-2024

Ngày phát hành báo cáo

Tham chiếu BVAQ

Ngày nhận mẫu

Testing Period/ Thời gian phân tích: 04-Jul-2024 to 10-Jul-2024

Results - Kết quả

The testing results are valid on the sample(s) as received/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nhận được.

Customer Sample Name/ Tên mẫu: Potala Cà Chua Tôm Cay

Lab ID: 24-182519-1B

Sample Description/ Mô tả mẫu: Sample in plastic bag/ Mẫu đựng trong túi nhựa

Sample Condition/ Tình trạng mẫu: Acceptable/ Chấp nhận

Test Chỉ tiêu	Result Kết quả	Unit Đơn vị	Method Phương pháp phân tích
Deoxynivalenol (DON)	Not Detected/Không phát hiện (MDL=30)	µg/kg	FLAB-FA-MTHD-025: 2021 (Ref. BS EN 15891:2010)
Ochratoxin A	Not Detected/Không phát hiện (MDL=0.1)	µg/kg	FLAB-FA-MTHD-010: 2021 (Ref. AOAC 2004.10)
Aflatoxin B1	Not Detected/Không phát hiện (MDL=0.2)	µg/kg	FLAB-FA-MTHD-009: 2021 (Ref. AOAC 999.07)
Aflatoxin tổng số/ Total of Aflatoxin content	Not Detected/Không phát hiện (MDL=0.2)	µg/kg	FLAB-FA-MTHD-009: 2021 (Ref. AOAC 999.07)

Remark/ Ghi chú: Revision 01 is revised and replaces revision 00 issued on 10-Jul-2024 due to customer request to adjust sample name/

Bản sửa đổi 01 được hiệu chỉnh và thay thế cho bản sửa đổi 00 được ban hành ngày 10-07-2024 do khách hàng yêu cầu điều chỉnh tên mẫu

OPERATION MANAGER

NGUYEN DUY TIEN

BVAQ MANAGER



NGUYEN HIEP

TEST REPORT
BÁO CÁO THỬ NGHIỆM

Report No./ Số báo cáo:

24-182519-C

Revision: 01

Company/ Công ty:

CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

Address/ Địa chỉ:

Số 8, Đường Số 11, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành Phố Thuận An,
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Report Issued: 09-Sep-2024

BVAQ Reference: 24-182519

Sample(s) Received: 04-Jul-2024

Ngày phát hành báo cáo

Tham chiếu BVAQ

Ngày nhận mẫu

Testing Period/ Thời gian phân tích: 04-Jul-2024 to 10-Jul-2024

Results - Kết quả

The testing results are valid on the sample(s) as received/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nhận được.

Customer Sample Name/ Tên mẫu: Potala Cà Chua Tôm Cay

Lab ID: 24-182519-1C

Sample Description/ Mô tả mẫu: Sample in plastic bag/ Mẫu đựng trong túi nhựa

Sample Condition/ Tình trạng mẫu: Acceptable/ Chấp nhận

Test Chỉ tiêu	Result Kết quả	Unit Đơn vị	Method Phương pháp phân tích
Chỉ số axit của vắ/ Acid Value (AV)	0.92	mg KOH/g	FLAB-FC-MTHD-026:2021 (Ref. TCVN 6127:2010 (ISO 660:2009))
Béo tổng số/ Total Fat	13.9	g/100 g	FLAB-FC- MTHD-018:2021 (Ref. AOAC 920.39)
Đạm/ Protein	9.14	g/100 g	FLAB-FC-MTHD-020 (Ref. AOAC 2001.11)
Âm của vắ/ Moisture	3.55	%	FLAB-FC- MTHD-014:2021 (Ref. AOAC 950.46)
Carbohydrate	59.3	g/100 g	FLAB-FC- MTHD- 033:2021 (Ref. AOAC 986.25, FAO, Food & Nutrition P. 77, US FDA 21 CFR 101.9)
Năng lượng/ Calories *	399	kcal/100 g	FLAB-FC- MTHD- 033:2021 (Ref. AOAC 986.25, FAO, Food & Nutrition P. 77, US FDA 21 CFR 101.9)
Đường tổng số/ Total sugar	11.5	g/100 g	FLAB-FC-MTHD-060:2021 (Ref. TCVN 4594:1988)
Natri/ Sodium (Na)	2337	mg/100 g	FLAB-FC-MTHD-034
Saturated Fat	7.10	g/100 g	FLAB-FA-MTHD-033: 2021 (Ref. AOAC 996.06)

MDL/ GHPH: Method Detection Limit/ Giới hạn phát hiện của phương pháp
MQL/ GHDL: Method Quantitation Limit/ Giới hạn định lượng của phương pháp
ND/ KPH: Not Detected/ Không phát hiện
* Subcontracted test/ Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
* ISO 17025 not accredited/ Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO 17025
Information provided by clients company, address, samples names/
Thông tin do khách hàng cung cấp: công ty, địa chỉ, tên mẫu

F05-SOP-01-Test Report Template-V1

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without prior written permission of the BVAQ company/
Không được trích sao một phần báo cáo thử nghiệm này mà không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty
BVAQ
If there are questions or concerns on this report, please contact:
Khi khách hàng cần thêm thông tin về kết quả, xin vui lòng liên hệ:
Customer Service/ Bộ phận chăm sóc khách hàng
Tel: (84-292) 3 888 678 - 3 888 779
Email: ctfab@bvaq.com

Page 1 of 2

Report No./ Số báo cáo: 24-182519-1C

Remark/ Ghi chú: Revision 01 is revised and replaces revision 00 issued on 10-Jul-2024 due to customer request to adjust sample name/

Bản sửa đổi 01 được hiệu chỉnh và thay thế cho bản sửa đổi 00 được ban hành ngày 10-07-2024 do khách hàng yêu cầu điều chỉnh tên mẫu

OPERATION MANAGER



NGUYEN DUY TIEN

BVAQ MANAGER



NGUYEN HIEP



TEST REPORT
BÁO CÁO THỬ NGHIỆM

Report No./ Số báo cáo:

24-182519-D

Revision: 01

Company/ Công ty:

CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

Address/ Địa chỉ:

Số 8, Đường Số 11, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành Phố Thuận An,
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Report Issued: 09-Sep-2024

BVAQ Reference: 24-182519

Sample(s) Received: 04-Jul-2024

Ngày phát hành báo cáo

Tham chiếu BVAQ

Ngày nhận mẫu

Testing Period/ Thời gian phân tích: 04-Jul-2024 to 10-Jul-2024

Results - Kết quả

The testing results are valid on the sample(s) as received/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nhận được.

Customer Sample Name/ Tên mẫu: Potala Cà Chua Tôm Cay

Lab ID: 24-182519-1D

Sample Description/ Mô tả mẫu: Sample in plastic bag/ Mẫu đựng trong túi nhựa

Sample Condition/ Tình trạng mẫu: Acceptable/ Chấp nhận

Test Chỉ tiêu	Result Kết quả	Unit Đơn vị	Method Phương pháp phân tích
Chì/ Lead (Pb)	0.027	mg/kg	AOAC 2013.06
Cadimi/ Cadmium (Cd)	0.011	mg/kg	AOAC 2013.06

Remark/ Ghi chú: Revision 01 is revised and replaces revision 00 issued on 10-Jul-2024 due to customer request to adjust sample name/

Bản sửa đổi 01 được hiệu chỉnh và thay thế cho bản sửa đổi 00 được ban hành ngày 10-07-2024 do khách hàng yêu cầu điều chỉnh tên mẫu

OPERATION MANAGER

NGUYEN DUY TIEN

BVAQ MANAGER



NGUYEN HIEP

MDL/ GHĐH: Method Detection Limit/ Giới hạn phát hiện của phương pháp
MQL/ GHĐL: Method Quantitation Limit/ Giới hạn định lượng của phương pháp
ND/ KPH: Not Detected/ Không phát hiện
Subcontracted test/ Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ
• ISO 17025 not accredited/ Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO 17025
Information provided by clients company, address, samples name/ Thông tin do khách hàng cung cấp: công ty, địa chỉ, tên mẫu

F05-SOP-01-Test Report Template-V1

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without prior written permission of the BVAQ company.
Không được trích sao một phần báo cáo thử nghiệm này mà không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty BVAQ.

If there are questions or concerns on this report, please contact:
Khi khách hàng cần thêm thông tin về kết quả, xin vui lòng liên hệ:
Customer Service/ Bộ phận chăm sóc khách hàng
Tel: (84-292) 3.888.678 - 3.888.770
Email: citah@bvaq.com

Page 1 of 1

